



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tháng 5 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Vũ Hải Vĩnh	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thuý Hương	Ủy viên
Ông Lưu Hoàng Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Tùng	Ủy viên

Ban Điều hành

Ông Lưu Hoàng Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2016



Số: 170 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 27/05/2016, từ trang 04 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính của các công ty con là Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa, Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa và Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán khác nhau. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán liên quan đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán khác. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được hợp nhất trên báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific và Công ty Cổ phần Viettronics Đống Đa do Tổng Công ty không nhận được báo cáo của các công ty con của các công ty trên. Báo cáo tài chính của các công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa và Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam chưa được kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viettronimex - Công ty liên kết của Tổng Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, một số khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trình bày theo giá gốc. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Các công ty con của Tổng Công ty gồm Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa, Công ty Cổ phần Công trình Viettronics, Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific và Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp chưa xác định giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, trả trước cho người bán và tạm ứng. Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific, Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp, Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa và Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà chưa đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu, phải trả. Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific không kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2015. Kiểm toán viên không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá sự hợp lý của số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với số tiền là 3.792.537.161 VND và không thể kiểm tra được số dư khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và “Nguồn kinh phí” với giá trị lần lượt là 16.303.046.239 VND và 14.802.887.000 VND của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa. Các thủ tục kiểm toán thay thế không thực hiện được, nên chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 24 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, theo Quyết định số 652/QĐ-BTC ngày 13/04/2015 ngày của Bộ Tài chính về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty, Tổng Công ty đã điều chỉnh tăng giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lần lượt là 20.110.700.745 VND, 3.635.113.175 VND và 38.354.337 VND, đồng thời ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với giá trị là 26.411.309.086 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số 31 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức đã không điều chỉnh hồi tố mà ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 khoản tiền thuê đất được giảm với tổng giá trị là 6.429.838.823 VND theo các quyết định nhận được từ Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2015. Việc ghi nhận này đã làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 và tăng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2015 lên 6.429.838.823 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1450-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		777.418.253.751	885.402.709.276
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	154.542.902.180	277.553.507.031
1. Tiền	111		66.030.496.757	48.522.612.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		88.512.405.423	229.030.894.438
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	50.605.396.250	59.080.644.250
1. Chứng khoán kinh doanh	121		287.396.250	287.396.250
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.318.000.000	58.793.248.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		336.445.047.860	339.684.492.667
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	281.508.713.601	269.352.657.283
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	46.538.739.674	42.854.133.897
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.000.000.000	2.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	34.692.444.968	50.928.096.127
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(27.426.376.234)	(25.950.394.640)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		131.525.851	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	223.018.491.104	198.182.312.635
1. Hàng tồn kho	141		225.922.546.562	202.652.349.132
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.904.055.458)	(4.470.036.497)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.806.416.357	10.901.752.693
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.316.432.983	2.385.741.908
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.565.522.975	7.087.396.671
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	3.924.460.399	1.428.614.114
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		417.186.976.112	386.391.744.797
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58.637.961.282	58.032.187.644
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	49.216.230.356	52.004.167.811
2. Phải thu nội bộ dài hạn	214		3.658.140.004	-
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	5.763.590.922	6.028.019.833
II. Tài sản cố định	220		144.039.766.821	141.853.229.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	95.991.424.190	93.541.360.726
- Nguyên giá	222		212.590.083.556	202.701.159.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(116.598.659.366)	(109.159.798.639)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	48.048.342.631	48.311.868.371
- Nguyên giá	228		53.592.147.331	53.078.347.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.543.804.700)	(4.766.478.960)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	10.597.132.506	11.753.618.713
- Nguyên giá	231		35.891.080.307	35.891.080.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.293.947.801)	(24.137.461.594)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	27.767.329.817	26.198.614.897
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		27.767.329.817	26.198.614.897
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	124.097.277.471	119.206.970.863
1. Đầu tư vào công ty con	251		37.668.453.958	36.687.275.412
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		57.768.974.753	54.451.320.588
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		45.891.144.337	45.852.790.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(17.231.295.577)	(17.784.415.137)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		52.047.508.215	29.347.123.583
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	17.142.571.139	13.297.894.041
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		12.487.507.410	9.569.682.801
3. Lợi thế thương mại	269	17	22.417.429.666	6.479.546.741
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.194.605.229.863	1.271.794.454.073

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		417.193.903.067	404.245.080.459
I. Nợ ngắn hạn	310		351.083.447.586	339.151.836.349
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	171.896.481.860	100.321.198.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	24.893.699.985	25.345.259.290
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	10.200.590.057	22.183.931.256
4. Phải trả người lao động	314		10.199.770.068	6.157.464.244
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	8.535.045.483	17.558.988.906
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	666.424.905
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.617.057.000	2.270.487.500
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	49.888.806.270	60.700.929.510
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	65.043.029.485	93.882.814.107
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.056.475.000	5.672.574.838
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.752.492.378	4.391.763.623
II. Nợ dài hạn	330		66.110.455.481	65.093.244.110
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	19	22.104.196.302	22.104.196.302
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		324.130.000	627.625.000
3. Phải trả dài hạn khác	337	22	43.512.629.179	41.916.878.383
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		169.500.000	444.544.425
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		777.411.326.796	867.549.373.614
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	761.261.185.390	848.821.685.091
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(14.522.301.419)	(14.522.301.419)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		55.696.992.764	50.567.019.547
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		102.290.358.021	156.048.700.591
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		100.652.832.651	163.105.713.514
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.637.525.370	(7.057.012.923)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	25	179.769.516.319	218.701.646.667
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		16.150.141.406	18.727.688.523
1. Nguồn kinh phí	431		16.150.141.406	18.727.688.523
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.194.605.229.863	1.271.794.454.073



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2016

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		785.813.542.753	683.840.482.852
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.655.094.495	4.619.561.229
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	780.158.448.258	679.220.921.623
4. Giá vốn hàng bán	11	28	673.880.789.349	587.697.282.212
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		106.277.658.909	91.523.639.411
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	39.079.826.183	95.620.807.144
7. Chi phí tài chính	22	30	8.879.382.575	19.390.211.406
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.574.189.956	4.537.435.007
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.103.048.990	(15.502.138.079)
9. Chi phí bán hàng	25	31	58.108.262.649	51.487.145.096
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	85.391.824.675	95.556.833.507
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(3.918.935.817)	5.208.118.467
12. Thu nhập khác	31	32	6.098.492.676	20.290.346.127
13. Chi phí khác	32	33	3.341.772.961	12.706.873.181
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.756.719.715	7.583.472.946
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.162.216.102)	12.791.591.413
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	3.444.846.247	14.759.002.669
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.917.824.609)	(5.496.449.526)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.689.237.740)	3.529.038.270
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		1.888.015.037	(7.057.012.923)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.577.252.777)	10.586.051.193
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	43	(355)



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2016


Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng


Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MÃ SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	830.145.275.812	643.518.731.583
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(686.648.265.131)	(509.669.419.851)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(67.281.686.185)	(75.449.024.908)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(4.360.949.023)	(13.218.471.915)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(5.293.710.783)	(22.340.837.615)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	60.513.808.138	131.414.856.767
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(191.764.235.596)	(208.983.899.845)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(64.689.762.768)	(54.728.065.784)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.143.681.332)	(34.736.351.564)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	491.859.654	1.199.710.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.825.000.000)	(335.190.779.132)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.942.779.132	488.024.622.793
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.275.196.250)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	110.402.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.743.128.094	29.263.901.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.209.085.548	256.688.407.501
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	216.695.948.042	189.260.060.261
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(257.140.921.143)	(203.619.272.334)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.723.763.240)	(70.036.117.215)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(71.168.736.341)	(84.395.329.288)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(122.649.413.561)	117.565.012.429
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	277.553.507.031	160.007.634.199
Điều chỉnh do hợp nhất (i)		(380.300.256)	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19.108.966	(19.139.597)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	154.542.902.180	277.553.507.031

Ghi chú: (i) Điều chỉnh là do Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất này được lập trên cơ sở báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa, trong khi số liệu đầu kỳ tương ứng được lấy trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2014 của công ty này.



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2016

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tên giao dịch VIETNAM ELECTRONICS AND INFOMATICS JOINT STOCK CORPORATION, tên viết tắt là VEIC (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 04 ngày 25/11/2013.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động theo đăng ký kinh doanh tại: Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2015 là 157 người (tại ngày 01/01/2015 là 149 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Tổng Công ty

Danh sách các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:

1. Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics.

Danh sách các công ty con:

1. Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa;
2. Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức;
3. Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà;
4. Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific;
5. Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình;
6. Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà;
7. Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp;
8. Công ty Cổ phần Công trình Viettronics;
9. Công ty TNHH CN LED Ánh sáng mới (i);
10. Công ty Cổ phần Truyền thông Kết Nối Điểm (ii);
11. Công ty TNHH MTV Gen Thái Bình Dương (ii);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Danh sách các công ty con (Tiếp theo):

12. Công ty Cổ phần Hệ thống Gen (ii);
13. Công ty TNHH Giải pháp Genpacific (ii);
14. Công ty TNHH MTV Viettronics Medda (iii).

Ghi chú:

- (i) Công ty con của Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức.
- (ii) Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific.
- (iii) Công ty con của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa.

Danh sách các công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Viettronimex;
2. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà;
3. Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam;
4. Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam.

Danh sách các công ty liên doanh:

1. Công ty Liên doanh Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại với mục đích so sánh như tại Thuyết minh số 39 - Số liệu so sánh.

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các công ty liên doanh, liên kết do Tổng Công ty đầu tư vốn;
- Các cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Danh sách công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
1	Công ty CP Viettronics Đồng Đa	Hà Nội	1.123.600	51,07%	51,07%
2	Công ty CP Điện tử Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	6.693.700	97,01%	97,01%
3	Công ty CP Điện tử Bình Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	1.479.000	51,00%	51,00%
4	Công ty CP CN Thông tin Genpacific	Thành phố Hồ Chí Minh	2.295.000	51,00%	51,00%
5	Công ty CP Viettronics Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	6.654.960	55,54%	55,54%
6	Công ty CP Điện tử Biên Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	306.000	51,00%	51,00%
7	Công ty CP Viettronics Công nghiệp	Hà Nội	2.755.700	91,86%	91,86%
8	Công ty CP Công trình Viettronics	Hà Nội	1.300.000	65,00%	65,00%
9	Công ty TNHH CN LED Ánh sáng mới	Thành phố Hồ Chí Minh		97,01%	100,00%

Danh sách công ty con được trình bày theo giá gốc:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
1	Công ty CP Truyền thông Kết Nối Điểm	Thành phố Hồ Chí Minh	27,03%	53,00%
2	Công ty TNHH MTV Gen Thái Bình Dương	Thành phố Hồ Chí Minh	33,56%	65,8%
3	Công ty CP Hệ thống Gen	Thành phố Hồ Chí Minh	26,01%	51,00%
4	Công ty TNHH Giải Pháp Genpacific	Hà Nội	26,01%	51,00%
5	Công ty TNHH MTV Viettronics Medda	Hà Nội	51,07%	100,00%

Ghi chú: Đây là các công ty con của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa và Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific - Các công ty này chưa hợp nhất. Tổng Công ty cũng chưa nhận được báo cáo tài chính của các công ty trên.

Danh sách công ty liên doanh, liên kết được phân ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
Đầu tư vào công ty liên kết					
1	Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	Hà Nội	2.142.000	35,70%	35,70%
2	Công ty CP Viettronimex	Thành phố Hồ Chí Minh	108.689	46,25%	46,25%
3	Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	20.665	33,77%	33,77%
4	Công ty CP Máy tính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	8.555	28,50%	28,50%
5	Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	Hồ Chí Minh	180.000	34,92%	36,00%

Danh sách công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo giá gốc:

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
Đầu tư vào công ty liên kết				
1	Công ty CP Belco Hà Nội (i)	Hà Nội	15,30%	30,00%
2	Công ty CP Thương mại DV Bình Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	15,32%	30,00%
3	Công ty CP Cơ điện tử Viettronics	Hà Nội		
Góp vốn liên doanh				
1	Công ty LD Điện tử y tế KT cao Amec	Hà Nội	49,00%	49,00%

Ghi chú: Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các công ty này.
(i) Không thu thập được tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Điều hành đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn khấu hao theo thời gian sử dụng đất. Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 05 đến 50 năm.

Tại ngày 31/12/2015 chưa có cơ sở để Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên không trình bày giá trị hợp lý trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng; chi phí trả trước tiền thuê văn phòng; chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Tổng Công ty bao gồm số vốn do Nhà nước bàn giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng và phần vốn góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông và điều lệ Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	2.161.910.138	2.687.405.344
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63.868.586.619	45.835.207.249
Các khoản tương đương tiền (i)	88.512.405.423	229.030.894.438
Cộng	154.542.902.180	277.553.507.031

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh						
- Các khoản đầu tư khác	287.396.250	287.396.250	-	287.396.250	287.396.250	-

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>Ngắn hạn</i>	<i>50.318.000.000</i>	<i>50.318.000.000</i>	<i>58.793.248.000</i>	<i>58.793.248.000</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm	49.018.000.000	49.018.000.000	57.493.248.000	57.493.248.000
- Các khoản cho vay	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Gen Thái Bình Dương (i)</i>	<i>1.300.000.000</i>	<i>1.300.000.000</i>	<i>1.300.000.000</i>	<i>1.300.000.000</i>

Ghi chú: (i) Khoản Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific - Công ty con của Tổng Công ty cho Công ty TNHH MTV Gen Thái Bình Dương vay, bao gồm:

- Hợp đồng vay vốn số 12/HĐ/DNTHN ngày 17/12/2010 số tiền cho vay là 1.000.000.000 VND, lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm, ngày hết hạn 17/01/2011;
- Hợp đồng vay vốn số 02/GENPACIFIC-TBD ngày 28/07/2011 số tiền cho vay là 300.000.000 VND, lãi suất 19%/năm, lãi suất quá hạn 29%/năm, ngày hết hạn 28/10/2011.

Công ty chưa làm gia hạn hợp đồng cho vay và trong năm 2015 Công ty không tính lãi đối với các khoản vay nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con (i)	37.668.453.958	-	37.668.453.958	36.687.275.412
Công ty CP Truyền thông Kết Nối Điểm	19.380.000.000	-	19.380.000.000	19.380.000.000
Công ty TNHH MTV Gen Thái Bình Dương	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty CP Hệ thống Gen	3.065.762.400	-	3.065.762.400	3.065.762.400
Công ty TNHH Giải Pháp Genpacific	231.513.012	-	231.513.012	231.513.012
Công ty TNHH MTV Viettronics Medda	1.491.178.546	-	1.491.178.546	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bình Minh	-	-	-	510.000.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	57.768.974.753	(1.276.595.137)	56.492.379.616	53.174.725.451
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	31.770.088.151	-	31.770.088.151	31.604.290.905
Công ty CP Viettronimex	17.154.761.218	-	17.154.761.218	14.187.236.809
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	3.909.865.045	-	3.909.865.045	3.604.763.036
Công ty CP Máy tính Việt Nam	977.085.276	-	977.085.276	1.074.906.742
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	692.579.926	-	692.579.926	1.225.527.959
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội (ii)	1.178.000.000	-	1.178.000.000	1.178.000.000
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bình Minh (ii)	510.000.000	-	510.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics (ii)	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh				
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec (ii)	1.276.595.137	(1.276.595.137)	-	1.276.595.137
- Đầu tư vào đơn vị khác	45.891.144.337	(15.954.700.440)	29.936.443.897	45.852.790.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	29.621.270.000	(15.508.200.440)	14.113.069.560	29.621.270.000
Công ty Bé tông ly tâm Thủ Đức	10.480.000.000	-	10.480.000.000	10.480.000.000
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	3.149.354.337	-	3.149.354.337	3.111.000.000
Công ty CP Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	1.800.000.000	-	1.800.000.000	1.800.000.000
Cao ốc căn hộ - TMDV - Văn phòng cho thuê	446.500.000	(446.500.000)	-	446.500.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	294.020.000	-	294.020.000	294.020.000
Đầu tư dài hạn khác	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000
Cộng	141.328.573.048	(17.231.295.577)	124.097.277.471	119.206.970.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Các công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific và Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức được trình bày theo giá gốc do Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được hợp nhất trên báo cáo tài chính riêng của hai công ty trên.
- (ii) Các công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo giá gốc do Tổng Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính của các công ty này.

c) Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày tại Thuyết minh số 2 - Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất và năm tài chính.

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty liên doanh, liên kết trong năm

Trong tài chính năm 2015, nhìn chung hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết không thay đổi so với năm 2014. Ngoài 04 công ty liên doanh, liên kết gồm Công ty Cổ phần Belco Hà Nội, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh, Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics và Công ty Liên doanh Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec chưa nhận được báo cáo tài chính thì kết quả kinh doanh các công ty liên doanh, liên kết năm 2015 đều có lãi.

d) Chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	Thành phố Hồ Chí Minh	1.498.680		
2	Công ty Bê tông ly tâm Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	1.048.000	6,55%	6,55%
3	Công ty Cổ phần Điện tử Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	311.100	12,44%	12,44%
4	Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	Thành phố Nghệ An	180.000	15,00%	15,00%
5	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	29.402		

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

Phải thu tại:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
	281.508.713.601	269.352.657.283
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	9.008.794.365	9.839.587.872
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	21.576.505.896	13.520.258.259
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	6.406.769.234	6.460.063.910
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	9.928.324.834	13.090.659.203
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	117.396.351.673	42.267.029.214
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	11.507.138.585	17.132.787.983
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics (i)	34.321.103.341	35.822.459.613
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	2.723.412.546	3.914.177.185
Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học VN	68.640.313.127	127.305.634.044

Ghi chú: (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 23, toàn bộ quyền tài sản của Công ty Cổ phần Công trình Viettronics (bao gồm nhưng không giới hạn quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ,...) đang được thế chấp cho hợp đồng tín dụng số 490/15/TD-TT/II.24 ngày 12/02/2015 với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội. Theo hợp đồng cầm cố thế chấp số 482/15/TC-TT/II.24 ngày 12/02/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	46.538.739.674	42.854.133.897
Trả trước tại:		
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	988.712.033	1.457.945.412
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	9.007.242.342	1.597.648.479
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	8.178.927.400	5.891.142.850
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	328.674.863	1.780.366.145
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	2.932.841.527	7.813.830.336
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	2.289.559.736	3.214.505.031
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	5.723.190.637	3.598.745.418
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	3.843.638.784	9.068.999.246
Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học VN	13.245.952.352	8.430.950.980
b) Trả trước cho người bán dài hạn	49.216.230.356	52.004.167.811
Trả trước tại:		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	40.885.694.676	8.330.535.680
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	8.330.535.680	43.673.632.131

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
a) Ngắn hạn	34.692.444.968	50.928.096.127
Ký cược, ký quỹ	2.582.240.380	2.020.907.367
Phải thu về cổ phần hoá	-	1.165.274.174
Tạm ứng	14.114.727.489	22.957.202.434
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	186.868.734	10.859.000
Phải thu khác	17.808.608.365	24.773.853.152
- Công ty TNHH DV - TM Ngân Thịnh	2.107.997.573	2.107.997.573
- Công ty TNHH ĐTKD và PT Hồng Thái	6.220.666.666	6.220.666.666
- Công ty TNHH BVĐK Phú Thọ	231.346.388	231.346.388
- Thu từ cán bộ CNV đất Long An	2.694.230.000	2.694.230.000
- CTCP Công nghệ mới (TECCO)	1.502.658.918	1.502.658.918
- Các đối tượng khác	5.051.708.820	12.016.953.607
b) Dài hạn	5.763.590.922	6.028.019.833
Ký cược, ký quỹ	25.500.000	47.994.195
Tạm ứng	684.603.000	684.603.000
Phải thu khác	5.053.487.922	5.295.422.638
- Cục Cảnh sát biển	3.631.748.654	3.631.748.654
- Công ty TNHH MTV Gen Thái Bình	1.261.771.268	1.199.178.885
Dương		
- Công ty CP TM-DV Bình Minh	50.000.000	50.000.000
- Các đối tượng khác	109.968.000	414.495.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH DV TM Ngân Thịnh	7.091.696.573	-	7.091.696.573	-
Công ty TNHH BVĐK Phú Thọ	3.031.346.388	-	3.031.346.388	-
Công Ty TNHH KT TM Dịch Vụ Kỹ Nguyên	873.585.636	-	1.223.655.275	367.096.582
Công ty Liên doanh Golf Hà Nội	484.966.883	-	484.966.883	-
Công Ty TNHH TM Điện Máy Sơn Hà	345.524.208	334.739.110	857.464.778	732.651.650
Các đối tượng khác	21.124.473.430	5.190.477.774	19.469.699.844	5.108.686.869
Cộng	32.951.593.118	5.525.216.884	32.158.829.741	6.208.435.101

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	372.479.478	-	1.540.663.945	-
Nguyên liệu, vật liệu	65.533.291.130	-	36.068.292.998	-
Công cụ, dụng cụ	217.703.471	-	177.488.937	-
Chi phí SXKD dở dang	31.348.983.315	-	35.259.573.925	-
Thành phẩm	55.723.641.021	(368.132.769)	51.379.620.477	(2.085.474.351)
Hàng hóa	70.632.922.729	(2.535.922.689)	71.002.974.923	(2.384.562.146)
Hàng gửi bán	2.093.525.418	-	7.223.733.927	-
Cộng	225.922.546.562	(2.904.055.458)	202.652.349.132	(4.470.036.497)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.316.432.983	2.385.741.908
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	742.617.621	321.261.197
Các khoản khác	573.815.362	2.064.480.711
b) Dài hạn	17.142.571.139	13.297.894.041
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.660.150.942	6.921.282.310
Phần mềm Microsoft	346.830.000	-
Chi phí sửa chữa nhà cửa vật kiến trúc	203.515.000	678.197.050
Tiền thuê Văn phòng (i)	4.101.212.124	4.379.222.228
Chi phí cho giai đoạn tiền hoạt động của Asamled	-	698.012.551
Các khoản khác	2.830.863.073	621.179.902

Ghi chú: (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 23, toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê nhà văn phòng số 01.2013/HĐTV-P-VNC-EID ngày 02/04/2013 ký giữa Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Năng lượng và Công ty Cổ phần Công trình Viettronics đang được thế chấp cho hợp đồng tín dụng số 490/15/TD-TT/II.24 ngày 12/02/2015 với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội. Theo hợp đồng cầm cố thế chấp số 482/15/TC-TT/II.24 ngày 12/02/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2015	128.189.605.759	46.928.650.459	24.145.995.805	3.152.198.436	284.708.906	202.701.159.365
Phân loại lại TS đầu kỳ	282.108.733	-	-	2.600.173	(284.708.906)	-
Giảm TS tại công ty con không hợp nhất	-	(95.006.131)	(341.250.000)	(28.521.103)	-	(464.777.234)
Mua trong năm	-	2.182.871.264	837.359.654	302.501.000	-	3.322.731.918
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.143.174.499	-	-	-	-	9.143.174.499
Tăng khác	-	-	80.000.000	-	-	80.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(95.844.307)	(1.551.380.236)	(32.263.860)	-	(1.679.488.403)
Giảm khác	(42.000.000)	(302.469.804)	(74.425.685)	(93.821.100)	-	(512.716.589)
Tại ngày 31/12/2015	137.572.888.991	48.618.201.481	23.096.299.538	3.302.693.546	-	212.590.083.556
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2015	61.717.391.778	28.935.746.413	15.516.878.013	2.853.781.362	136.001.073	109.159.798.639
Phân loại lại TS đầu kỳ	234.021.821	-	2	(98.020.750)	(136.001.073)	-
Giảm TS tại công ty con không hợp nhất	-	(63.506.131)	(341.250.000)	(28.521.103)	-	(433.277.234)
Khấu hao trong năm	3.756.609.755	3.624.138.443	1.577.805.774	242.138.423	-	9.200.692.395
Thanh lý, nhượng bán	-	(95.844.307)	(1.084.020.582)	(32.263.860)	-	(1.212.128.749)
Giảm khác	(42.000.000)	-	(74.425.685)	-	-	(116.425.685)
Tại ngày 31/12/2015	65.666.023.354	32.400.534.418	15.594.987.522	2.937.114.072	-	116.598.659.366
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	66.472.213.981	17.992.904.046	8.629.117.792	298.417.074	148.707.833	93.541.360.726
Tại ngày 31/12/2015	71.906.865.637	16.217.667.063	7.501.312.016	365.579.474	-	95.991.424.190

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 58.557.704.380 VND.

Giá trị còn lại của những tài sản đem cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 21.307.345.119 VND (tại ngày 01/01/2015 là 22.981.812.333 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2015	51.215.752.144	1.610.775.550	251.819.637	53.078.347.331
Giảm TS tại công ty con không hợp nhất	-	(11.200.000)	-	(11.200.000)
Tăng trong năm	-	-	525.000.000	525.000.000
Tại ngày 31/12/2015	51.215.752.144	1.599.575.550	776.819.637	53.592.147.331
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2015	3.267.092.693	1.404.360.648	95.025.619	4.766.478.960
Giảm TS tại công ty con không hợp nhất	-	(11.200.000)	-	(11.200.000)
Khấu hao trong năm	609.000.552	157.650.190	21.874.998	788.525.740
Tại ngày 31/12/2015	3.876.093.245	1.550.810.838	116.900.617	5.543.804.700
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	47.948.659.451	206.414.902	156.794.018	48.311.868.371
Tại ngày 31/12/2015	47.339.658.899	48.764.712	659.919.020	48.048.342.631

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 424.750.820 VND.

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 22.265.650.794 VND (tại ngày 01/01/2015 là 22.873.376.226 VND) đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2015	3.811.392.900	13.156.179.820	18.923.507.587	35.891.080.307
Tại ngày 31/12/2015	3.811.392.900	13.156.179.820	18.923.507.587	35.891.080.307
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2015	1.522.392.884	6.996.448.675	15.618.620.035	24.137.461.594
Khấu hao trong năm	58.817.988	175.992.324	921.675.895	1.156.486.207
Tại ngày 31/12/2015	1.581.210.872	7.172.440.999	16.540.295.930	25.293.947.801
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	2.289.000.016	6.159.731.145	3.304.887.552	11.753.618.713
Tại ngày 31/12/2015	2.230.182.028	5.983.738.821	2.383.211.657	10.597.132.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	27.767.329.817	27.767.329.817	26.198.614.897	26.198.614.897
Mua sắm	-	-	82.727.273	82.727.273
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	27.767.329.817	27.767.329.817	26.115.887.624	26.115.887.624
<u>Trong đó:</u>				
- Dự án điện tim	15.082.768.554	15.082.768.554	15.082.768.554	15.082.768.554
- Dự án xây dựng văn phòng 21 Đông	1.220.277.685	1.220.277.685	1.111.186.776	1.111.186.776
Các				
- Trụ sở TCT tại Cầu Giấy, HN	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182
- Dự án khác	7.010.935.396	7.010.935.396	5.468.584.112	5.468.584.112

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	6.479.546.741	8.641.294.487
Tăng	20.110.700.745	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.172.817.820)	(2.161.747.746)
Tại ngày 31 tháng 12	22.417.429.666	6.479.546.741

Chi tiết lợi thế thương mại tại các công ty con:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	122.898.648	-
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	7.673.158.286	-
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	367.851.355	-
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình	10.226.992.303	6.479.546.741
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	4.026.529.074	-
Cộng	22.417.429.666	6.479.546.741

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	171.896.481.860	171.896.481.860	100.321.198.170	100.321.198.170
<u>Phải trả tại:</u>				
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	2.027.252.765	2.027.252.765	3.684.448.063	3.684.448.063
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	5.931.966.605	5.931.966.605	1.069.766.663	1.069.766.663
Công ty CP Điện tử Bình Hòa	2.044.401.368	2.044.401.368	1.773.738.669	1.773.738.669
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	7.479.930.533	7.479.930.533	16.335.229.139	16.335.229.139
Công ty CP Viettronics Tân Bình	98.157.842.576	98.157.842.576	11.953.246.132	11.953.246.132
Công ty CP Điện tử Biên Hòa	90.021.109	90.021.109	2.298.905.590	2.298.905.590
Công ty CP Công trình Viettronics	17.866.888.797	17.866.888.797	16.608.915.494	16.608.915.494
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	9.778.135.346	9.778.135.346	10.144.546.445	10.144.546.445
Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học VN	28.520.042.761	28.520.042.761	36.452.401.975	36.452.401.975
	171.896.481.860	171.896.481.860	100.321.198.170	100.321.198.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
	24.893.699.985	25.345.259.290
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Trả trước tại:		
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	96.983.609	1.344.445.109
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	748.715.233	98.421.960
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	3.423.626.668	497.449.357
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	-	1.473.407.000
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	2.014.365.556	2.035.777.870
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	190.930.980	201.097.998
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	8.805.007.483	12.752.966.945
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	29.971.332	29.971.332
Công ty mẹ - Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học VN	9.584.099.124	6.911.721.719
	22.104.196.302	22.104.196.302
b) Người mua trả tiền trước dài hạn		
Trả trước tại:		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific	22.104.196.302	22.104.196.302

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Giảm khác	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/12/2015
	VND	(i)	trong năm	trong năm	VND
	VND	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	5.941.347.519	12.598.575	94.375.762.250	98.038.711.784	2.265.799.410
Thuế xuất, nhập khẩu	595.078.222	-	1.173.979.127	1.769.057.349	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.388.906.081	-	3.551.283.795	5.286.941.529	2.653.248.347
Thuế thu nhập cá nhân	3.232.591.474	-	2.413.645.028	5.390.436.008	255.800.494
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.288.551.403	-	11.457.906.633	15.126.184.270	2.620.273.766
Các loại thuế khác	1.523.000	-	34.047.450	35.570.450	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.735.933.557	399.426	669.933.909	-	2.405.468.040
Cộng	22.183.931.256	12.998.001	113.676.558.192	125.646.901.390	10.200.590.057
b) Phải thu					
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	996.015.955	1.026.570.788	30.554.833
Thuế xuất, nhập khẩu	67.264.950	-	5.451.894.867	5.399.179.837	14.549.920
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.257.343.449	-	-	6.769.278	1.264.112.727
Thuế thu nhập cá nhân	44.754.514	-	36.108.614	-	8.645.900
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	635.836	-	(2.605.370.947)	-	2.606.006.783
Các loại thuế khác	58.615.365	2.691.163	159.545.166	104.211.200	590.236
Cộng	1.428.614.114	2.691.163	4.038.193.655	6.536.731.103	3.924.460.399

Ghi chú: (i) Giảm khác thể hiện khoản điều chỉnh giảm thuế và các khoản phải nộp nhà nước tại Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	8.535.045.483	17.558.988.906
Trích trước chi phí chưa có hóa đơn	1.595.557.363	1.595.557.363
Chi phí lãi vay	37.704.049	267.222.423
Chiết khấu thương mại	2.182.055.683	1.025.708.000
Trích trước chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	595.457.779	741.008.555
Chi phí trích trước khác	4.124.270.609	13.929.492.565

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	49.888.806.270	60.700.929.510
Kinh phí công đoàn	251.697.301	184.204.428
Bảo hiểm xã hội	362.397.081	678.895.603
Bảo hiểm y tế	44.925.240	-
Bảo hiểm thất nghiệp	20.395.599	536.474
Khoản dự tính phải trả về quyết toán vốn cổ phần	-	20.352.613.860
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	23.131.445.757	6.211.380.849
Phải trả CBCNV - tiền ứng trước mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.775.545.292	31.970.898.296
- Công ty Cổ phần BĐS Bảo Long (i)	15.000.000.000	15.000.000.000
- Khoản trợ cấp người lao động	4.423.850.000	-
- Khoản phải trả cho công trình Dự án điện tim	1.765.734.978	1.765.734.978
- Các khoản phí sinh viên do trường thu	2.085.193.355	2.178.025.885
- Công ty CP Máy tính & Truyền thông VN	642.600.000	856.800.000
- Cổ đông Công ty CP Viettronics Medda	20.000.000	20.000.000
- Các khoản phải trả khác	838.166.959	12.150.337.433
b) Dài hạn	43.512.629.179	41.916.878.383
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.777.258.297	7.181.507.501
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.735.370.882	34.735.370.882
- Tổng Cục Cảnh Sát - Bộ Công an C53	26.619.024.188	26.619.024.188
- Công ty Cổ phần Truyền thông Kết nối Điểm	3.588.549.367	3.588.549.367
- Tổng Cục Hậu Cần - Kỹ Thuật, Bộ Công an	3.166.225.544	3.166.225.544
- Các khoản phải trả khác	1.361.571.783	1.361.571.783

Ghi chú: (i) Khoản Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long phản ánh các khoản góp vốn theo tiến độ được quy định trong hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh dự án bất động sản số 02/2013/HĐ-VTD ngày 21/3/2013, trong đó Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long sẽ góp 88.800.000.000 VND, chiếm tỷ lệ là 74%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

(iv) Bao gồm hai hợp đồng vay, cụ thể:

- Hợp đồng cấp hạn mức số 490/15/TD-TT/II.24 ký ngày 12/02/2015 với bên cho vay là Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức tín dụng tối đa là 152.000.000.000 VND, trong đó bao gồm toàn bộ số dư tín dụng tại Ngân hàng TMCP An Bình theo hợp đồng cấp hạn mức số 03/2014/HĐHM.II.116 ngày 11/02/2014. Hạn mức tín dụng bao gồm: Hạn mức cho vay là 62.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 90.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Mục đích bảo lãnh: Bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 12/02/2015 đến ngày 12/02/2016, lãi suất và thời hạn trả nợ được quy định cụ thể trong từng phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng hạn mức. Biện pháp bảo đảm: Là các quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký kết, toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê văn phòng với Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp năng lượng. Tài sản bảo đảm được thể hiện theo hợp đồng cầm cố thế chấp số 482/15/TC-TT/II.24 ngày 12/02/2015.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 844/14/TD/HĐHM.II.24 ngày 18/09/2014 với hạn mức là 25.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Tài sản thế chấp là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thủy điện An Khê Kanak, Tổng Công ty Xây dựng 1 và Công ty Cổ phần Bắc Hà.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại TS		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	438.000.000.000	(13.823.787.638)		752.253	28.370.542.523	16.427.152.302		26.619.705		188.321.316.375		657.322.595.520
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.057.012.923)	-	(7.057.012.923)
Điều chỉnh hồi tố đầu kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(218.357.633)	-	(218.357.633)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.345.325.737	2.495.918.880	-	-	-	(9.881.879.457)	-	(4.040.634.840)
Phụ cấp HĐQT và BSKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(120.000.000)	-	(120.000.000)
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(14.740.395.149)	-	(14.740.395.149)
Giảm khác	-	(698.513.781)	-	(752.253)	(43.637.612)	(28.282.283)	-	-	-	85.608.182	-	(685.577.747)
Điều chỉnh do công ty con không hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(340.578.804)	-	(340.578.804)
Phân loại lại theo TT200	-	-	-	-	18.894.788.899	(18.894.788.899)	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)	438.000.000.000	(14.522.301.419)		-	50.567.019.547	-	-	26.619.705		156.048.700.591		630.120.038.424
Điều chỉnh do công ty con không hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.088.697.820	-	2.088.697.820
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.888.015.037	-	1.888.015.037
Phân phối quỹ	-	-	-	-	5.129.973.217	-	-	-	-	(13.418.786.231)	-	(8.288.813.014)
Phụ cấp HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(316.190.640)	-	(316.190.640)
Xác định cổ tức phải trả (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.520.000.000)	-	(17.520.000.000)
Hoàn nhập chi phí phải trả theo biên bản kiểm tra thuế năm 2012	-	-	-	-	-	-	-	-	-	762.911.093	-	762.911.093
Thuế phải nộp theo biên bản kiểm tra thuế năm 2012	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(342.673.327)	-	(342.673.327)
Điều chỉnh quyết toán cổ phần hóa (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.411.309.086)	-	(26.411.309.086)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(489.007.236)	-	(489.007.236)
Số dư tại ngày 31/12/2015	438.000.000.000	(14.522.301.419)		-	55.696.992.764	-	-	26.619.705		102.290.358.021		581.491.669.071



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Trong năm, Tổng Công ty chia cổ tức của năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/ĐT - ĐHCĐ ngày 19/06/2015. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất 2015, khoản cổ tức này chưa được chi trả cho các cổ đông. Theo Quyết định số 652/QĐ-BTC ngày 13/04/2015 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty, Tổng Công ty sẽ xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông năm 2016 về việc thanh toán khoản cổ tức trên.
- (ii) Bao gồm các khoản điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa theo Quyết định số 652/QĐ-BTC ngày 13/04/2015 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/11/2013. Tại ngày 31/12/2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	385.308.600.000	87,97%	385.308.600.000	87,97%
Vốn góp của các đối tượng khác	52.691.400.000	12,03%	52.691.400.000	12,03%
Cộng	438.000.000.000	100%	438.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	438.000.000.000	438.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	438.000.000.000	438.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	438.000.000.000	438.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận xác định phải trả	17.520.000.000	14.740.395.149

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.800.000	43.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	26.910.267.311	57.163.278.755
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	1.548.960.039	1.761.654.758
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	10.181.278.361	12.938.714.278
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Genpacific	17.123.007.323	19.856.431.063
Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình	95.647.073.074	95.371.334.207
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	25.010.173.169	27.606.197.489
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	2.948.663.344	3.330.793.774
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	400.093.698	673.242.343
Cộng	179.769.516.319	218.701.646.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
1. Nợ khó đòi đã xử lý	30.303.500	30.303.500
2. Ngoại tệ các loại		
- USD	31.435,94	110.867,06
- EUR	101,96	101,84

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu	785.813.542.753	683.840.482.852
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	777.763.897.502	677.467.812.007
Doanh thu hoạt động xây dựng	1.134.579.506	-
Doanh thu cho thuê bất động sản	6.631.113.881	6.078.439.125
Doanh thu bán vật tư	255.344.375	263.326.899
Doanh thu bán phế liệu	28.607.489	30.904.821
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.655.094.495	4.619.561.229
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	1.680.739.000	837.347.126
- Hàng bán bị trả lại	3.974.355.495	3.782.214.103
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	780.158.448.258	679.220.921.623

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	670.914.204.630	586.697.707.482
Giá vốn hoạt động xây dựng	1.316.140.487	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.527.809.298	872.459.358
Giá vốn bán vật tư	122.634.934	128.302.372
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.187.000)
Cộng	673.880.789.349	587.697.282.212

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.291.582.958	26.143.206.918
Cổ tức, lợi nhuận được chia	628.115.600	4.834.575.899
Doanh thu chuyển nhượng cổ phần	-	53.432.020.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.087.180.963	2.684.611.554
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.351.372	50.260.625
Doanh thu hoạt động tài chính khác	49.595.290	8.476.132.148
Cộng	39.079.826.183	95.620.807.144

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.574.189.956	4.537.435.007
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	66.939.079	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.635.254.069	276.076.187
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	50.375.590	408.444.481
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(553.119.560)	13.507.820.000
Chi phí tài chính khác	105.743.441	660.435.731
Cộng	8.879.382.575	19.390.211.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015
	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	85.391.824.675
Chi phí nhân công	43.225.308.242
Phân bổ lợi thế thương mại	4.172.817.820
Chi phí đồ dùng văn phòng	901.112.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.547.865.731
Tiền thuê đất	3.087.893.612
Tiền thuê đất được giảm (i)	(6.429.838.823)
Thuế, phí và lệ phí	576.955.301
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.819.054.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.992.484.157
Các khoản chi phí QLDN khác	22.498.171.347
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	58.108.262.649
Chi phí nhân viên	13.945.681.879
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	302.010.283
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.045.099.145
Chi phí khuyến mãi tài trợ	2.556.633.776
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.054.291.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.234.750.655
Chi phí bằng tiền khác	22.969.795.176

Ghi chú: (i) Khoản tiền thuê đất Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức - Công ty con của Tổng Công ty được giảm theo các quyết định nhận được từ Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2015 với số tiền thuê đất được giảm cho các năm 2011, 2012, 2013 và 2014.

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành không chi hết	1.469.697.258	8.217.757.126
Thu nhập từ tiền thuê nhà	707.818.182	-
Thu nhập từ việc thu hộ, chi hộ lãi vay	412.941.352	5.184.246.808
Thu do khách hàng hỗ trợ	54.554.305	800.402.708
Thu từ thanh lý tài sản cố định	54.045.455	17.727.273
Máy móc thiết bị thu hồi từ dự án hoàn thành	1.052.856.894	-
Thưởng doanh số, phí hỗ trợ, khuyến mãi từ bán hàng	814.292.195	-
Tiền phạt hợp đồng	26.763.208	243.779.353
Thu nhập khác	1.505.523.827	5.826.432.859
Cộng	6.098.492.676	20.290.346.127

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí từ việc thu hộ, chi hộ lãi vay	412.941.352	5.184.246.808
Chi phí phạt chậm nộp thuế	434.832.393	1.418.366.046
Chi phí đền bù, bồi thường	282.654.478	331.104.128
Các khoản bị phạt	99.085.335	243.779.353
Chi phí khác	2.112.259.403	5.529.376.846
Cộng	3.341.772.961	12.706.873.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.444.846.247	14.759.002.669
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.444.846.247	14.759.002.669

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.888.015.037	(7.057.012.923)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(8.500.368.241)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.888.015.037	(15.557.381.164)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	43.800.000	43.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	43	(355)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú: Theo quy định tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp, quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 được xác định lại là âm 355 VND (số trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 là âm 168 VND). Năm 2015, Tổng Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

36. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình - Công ty con của Tổng Công ty đang thực hiện thuê dài hạn một khu đất tại khu công nghiệp Cát Lái theo hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2005 giữa Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công Ích Quận 2 (trước đây là Công ty quản lý và phát triển nhà Q2 Khu công nghiệp Cát Lái) và Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình, hai bên đã tiến hành lập biên bản giao mốc số 01/BBGM/KCN ngày 15/01/2010. Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đã thanh toán khoản tiền 8.330.535.680 VND trên tổng giá trị phải thanh toán là 1.228.800 USD (theo hợp đồng nguyên tắc). Tuy nhiên tới thời điểm hiện tại, hai bên vẫn chưa làm hợp đồng thuê đất chính thức và Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình vẫn chưa được quyền sử dụng đất đối với mảnh đất này. Công ty đang ghi nhận khoản tiền đã trả cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công Ích Quận 2 là khoản trả trước cho người bán, đã phát sinh từ nhiều năm tuy nhiên chưa hoàn thiện các thủ tục thuê đất.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	65.043.029.485	93.882.814.107
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	154.542.902.180	277.553.507.031
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	761.261.185.390	848.821.685.091
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4).

Tài sản tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.542.902.180	277.553.507.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác	281.004.714.476	277.982.244.877
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	2.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.605.396.250	59.080.644.250
Đầu tư tài chính dài hạn	65.220.882.644	64.755.650.275
Tổng cộng	552.373.895.550	681.872.046.433
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	65.043.029.485	93.882.814.107
Phải trả người bán và phải trả khác	265.297.917.309	202.939.006.063
Chi phí phải trả	8.535.045.483	17.558.988.906
Tổng cộng	338.875.992.277	314.380.809.076

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (Thông tư 210), vì các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.542.902.180	-	154.542.902.180
Phải thu khách hàng và phải thu khác	275.241.123.554	5.763.590.922	281.004.714.476
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.605.396.250	-	50.605.396.250
Đầu tư tài chính dài hạn	-	65.220.882.644	65.220.882.644
Tổng cộng	481.389.421.984	70.984.473.566	552.373.895.550
Tại 31/12/2015			
Các khoản vay	65.043.029.485	-	65.043.029.485
Phải trả người bán và phải trả khác	221.785.288.130	43.512.629.179	265.297.917.309
Chi phí phải trả	8.535.045.483	-	8.535.045.483
Tổng cộng	295.363.363.098	43.512.629.179	338.875.992.277
Chênh lệch thanh khoản thuần	186.026.058.886	27.471.844.387	213.497.903.273
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	277.553.507.031	-	277.553.507.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác	271.954.225.044	6.028.019.833	277.982.244.877
Phải thu về cho vay	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.080.644.250	-	59.080.644.250
Đầu tư tài chính dài hạn	-	64.755.650.275	64.755.650.275
Tổng cộng	611.088.376.325	70.783.670.108	681.872.046.433
Tại 01/01/2015			
Các khoản vay	93.882.814.107	-	93.882.814.107
Phải trả người bán và phải trả khác	161.022.127.680	41.916.878.383	202.939.006.063
Chi phí phải trả	17.558.988.906	-	17.558.988.906
Tổng cộng	272.463.930.693	41.916.878.383	314.380.809.076
Chênh lệch thanh khoản thuần	338.624.445.632	28.866.791.725	367.491.237.357

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông VN
Công ty Cổ phần Viettronimex
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam
Công ty Liên doanh Điện tử y tế Kỹ thuật cao Amec
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên doanh
Ảnh hưởng đáng kể

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Bản chất bên</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>liên quan</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		18.480.000	18.480.000
Công ty CP Máy tính & Truyền thông VN	Công ty liên kết	18.480.000	18.480.000
Phải trả khác		642.600.000	856.800.000
Công ty CP Máy tính & Truyền thông VN	Công ty liên kết	642.600.000	856.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	1.593.143.875	1.432.163.333
Cộng	1.593.143.875	1.432.163.333

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, một số số liệu được điều chỉnh theo kết luận thanh tra thuế số 84116/KL-CT-TTr2 ngày 29/12/2015 của Cục thuế thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại/ Trình bày lại	Số sau phân loại lại/ Trình bày lại
		VND	VND	VND
<u>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>				
Chứng khoán kinh doanh	121	-	287.396.250	287.396.250
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	58.793.248.000	58.793.248.000
Đầu tư ngắn hạn		61.838.644.250	(61.838.644.250)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(8.000.000)	8.000.000	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	263.622.902.630	5.729.754.653	269.352.657.283
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	94.858.301.708	(52.004.167.811)	42.854.133.897
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	30.669.740.407	20.258.355.720	50.928.096.127
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(25.697.513.536)	(252.881.104)	(25.950.394.640)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.135.741.908	250.000.000	2.385.741.908
Thuế GTGT được khấu trừ	152	7.175.779.806	(88.383.135)	7.087.396.671
Tài sản ngắn hạn khác	155	25.662.712.801	(25.662.712.801)	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	52.004.167.811	52.004.167.811
Phải thu dài hạn khác	216	414.495.099	5.613.524.734	6.028.019.833
Tài sản dài hạn khác	268	47.994.195	(47.994.195)	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	47.449.455.592	(22.104.196.302)	25.345.259.290
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21.627.164.405	556.766.851	22.183.931.256
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11.665.381.081	5.893.607.825	17.558.988.906
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	1.273.712.841	(607.287.936)	666.424.905
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	2.270.487.500	2.270.487.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	95.407.325.896	(34.706.396.386)	60.700.929.510
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.372.574.208	1.300.000.630	5.672.574.838
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	22.104.196.302	22.104.196.302
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	2.898.112.500	(2.270.487.500)	627.625.000
Phải trả dài hạn khác	337	7.181.507.501	34.735.370.882	41.916.878.383
Dự phòng trợ cấp mất việc làm		22.208.890	(22.208.890)	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	1.300.000.000	(1.300.000.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	31.672.230.648	18.894.788.899	50.567.019.547
Quỹ dự phòng tài chính		18.894.788.899	(18.894.788.899)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	155.972.271.574	76.429.017	156.048.700.591
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	219.078.264.788	(376.618.121)	218.701.646.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại/ Trình bày lại	Số sau phân loại lại/ Trình bày lại
		VND	VND	VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	678.024.327.050	5.816.155.802	683.840.482.852
Giá vốn hàng bán	11	582.381.655.773	5.315.626.439	587.697.282.212
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	95.543.761.312	13.072.195	95.556.833.507
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14.651.762.092	107.240.577	14.759.002.669
LNST thu nhập doanh nghiệp	60	3.148.821.679	380.216.591	3.529.038.270
LNST của cổ đông của Công ty mẹ	61	(7.351.799.573)	294.786.650	(7.057.012.923)
LNST của cổ đông không kiểm soát	62	10.500.621.252	85.429.941	10.586.051.193
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(168)	(187)	(355)



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2016

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

